

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-36
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-36



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/01/2013
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 29/01/2013
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2013
Ông Phạm Ngọc Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiêu



Số: 4203 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Như đã trình bày tại thuyết minh số 12, Tổng Công ty đã ghi nhận giảm giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh đối với khoản có tức của năm 2012 nhận được trong kỳ này, vì thế chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giảm số tiền 53.351 tỷ đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.014.553.449.379	1.206.560.033.686
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	138.956.599.473	361.672.624.621
111	1. Tiền		68.904.932.806	51.672.624.621
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.051.666.667	310.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	479.295.432.300	463.537.632.300
121	1. Đầu tư ngắn hạn		494.346.106.200	478.588.306.200
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.050.673.900)	(15.050.673.900)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		312.660.289.043	308.770.375.394
131	1. Phải thu của khách hàng		239.077.628.297	212.069.049.673
132	2. Trả trước cho người bán		63.102.511.676	40.329.120.128
135	5. Các khoản phải thu khác	5	15.644.742.535	61.536.799.058
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.164.593.465)	(5.164.593.465)
140	IV. Hàng tồn kho	6	72.320.513.805	65.930.074.111
141	1. Hàng tồn kho		72.320.513.805	65.930.074.111
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.320.614.758	6.649.327.260
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.517.686.059	391.869.832
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.532.215.228	3.510.540.922
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	422.840.817	599.159.852
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.847.872.654	2.147.756.654
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		923.650.102.250	904.032.010.982
220	II. Tài sản cố định		259.732.963.115	220.808.127.425
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	150.990.703.228	164.229.815.180
222	- Nguyên giá		311.569.484.586	311.533.266.041
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(160.578.781.358)	(147.303.450.861)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	43.333.330	53.333.332
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.666.670)	(6.666.668)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	108.698.926.557	56.524.978.913
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	641.260.497.004	655.975.947.655
251	1. Đầu tư vào công ty con		556.929.653.804	564.679.804.695
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		84.330.843.200	91.296.142.960
260	V. Tài sản dài hạn khác		22.656.642.131	27.247.935.902
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	22.590.594.131	27.181.887.902
268	3. Tài sản dài hạn khác		66.048.000	66.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.938.203.551.629	2.110.592.044.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		415.015.589.632	522.856.251.057
310	I. Nợ ngắn hạn		377.331.716.351	485.422.377.776
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	90.000.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		191.738.962.286	77.263.021.367
313	3. Người mua trả tiền trước		992.572.858	7.700.818.642
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	20.446.072.852	12.621.735.897
315	5. Phải trả người lao động		26.284.400.623	22.032.601.593
316	6. Chi phí phải trả	16	4.850.000.000	70.076.222.317
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	24.880.044.341	282.815.632.813
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.139.663.391	12.912.345.147
330	II. Nợ dài hạn		37.683.873.281	37.433.873.281
333	3. Phải trả dài hạn khác		1.585.633.992	1.335.633.992
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		30.098.239.289	30.098.239.289
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		6.000.000.000	6.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.523.187.961.997	1.587.735.793.611
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.518.994.337.997	1.581.785.793.611
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.000.000.000	2.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.994.337.997	179.785.793.611
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		4.193.624.000	5.950.000.000
432	1. Nguồn kinh phí	19	4.193.624.000	5.950.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.938.203.551.629	2.110.592.044.668

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		217.422,37	17.543,54
- Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đoàn Thị Lan Phương

Phạm Tuấn Anh

Nguyễn Trọng Tiêu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	622.518.227.471	619.032.247.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	2.994.398.000	422.949.882
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	619.523.829.471	618.609.298.116
11	4. Giá vốn hàng bán	23	533.429.924.329	527.212.064.242
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.093.905.142	91.397.233.874
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	84.149.039.628	77.982.130.796
22	7. Chi phí tài chính	25	596.635.382	320.920.048
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		258.666.667	-
24	8. Chi phí bán hàng	26	12.510.913.162	10.599.661.487
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30.056.794.042	28.344.970.301
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		127.078.602.184	130.113.812.834
31	11. Thu nhập khác		14.300.000	13.608.160
32	12. Chi phí khác		186.853.144	10.328
40	13. Lợi nhuận khác		(172.553.144)	13.597.832
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.906.049.040	130.127.410.666
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	14.802.504.654	21.055.201.786
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>112.103.544.386</u>	<u>109.072.208.880</u>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đoàn Thị Lan Phương

Phạm Tuấn Anh

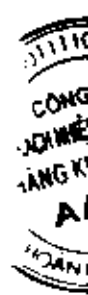
Nguyễn Trọng Tiêu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		635.208.864.847	684.769.356.071
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(534.455.972.155)	(534.455.972.155)	(374.742.889.827)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(32.034.339.880)	(32.034.339.880)	(26.258.659.674)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(258.666.667)	(258.666.667)	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.529.825.625)	(17.529.825.625)	(15.756.776.562)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	47.142.359.612	47.142.359.612	9.817.292.733
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	(146.294.130.507)	(146.294.130.507)	(8.994.765.624)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(48.221.710.375)</i>	<i>268.833.557.117</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(57.432.333.552)	(57.432.333.552)	(22.892.736.004)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(45.830.000.000)	(45.830.000.000)	(646.860.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	30.072.200.000	30.072.200.000	524.950.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(38.709.284.404)	(38.709.284.404)	(2.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.424.735.055	53.424.735.055	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	80.005.938.128	80.005.938.128	76.436.740.290
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>21.531.255.227</i>	<i>(70.865.795.714)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	243.000.000.000	243.000.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(153.000.000.000)	(153.000.000.000)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(286.025.570.000)	(286.025.570.000)	(15.391.420.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(196.025.570.000)</i>	<i>(15.391.420.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(222.716.025.148)</i>	<i>182.576.341.403</i>



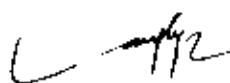
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		361.672.624.621	322.474.500.200
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(4.587.422)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>138.956.599.473</u>	<u>505.046.254.181</u>

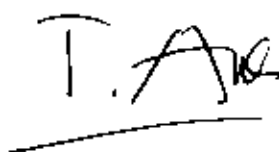
(*) Trong đó tiền chi trả Nhà nước về cổ phần hóa là 113.550.911.413 đồng.

Người lập



Đoàn Thị Lan Phương

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013***I . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Số 27, Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Tổng Công ty có các công ty con sở hữu trực tiếp sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Thiết bị điện	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	KM 12, Quốc lộ 32, Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Công ty CP Khí Cụ điện I	Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Số 70-72, Nam Kỳ khởi nghĩa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	Số 91, Hoa Lâm, Đức Giang, Quận Long Biên, TP Hà Nội
- Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	#49, Road 04, Sangkat Phleung Chhe Rotes, Phnom Penh, Campuchia

Tổng Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Tổ 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Số 39C, Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Tổng Công ty có công ty liên doanh sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

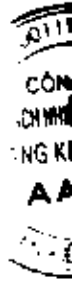
2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đo đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16. Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.999.462.257	879.210.234
Tiền gửi ngân hàng	65.905.470.549	50.793.414.387
Các khoản tương đương tiền	70.051.666.667	310.000.000.000
	<u><u>138.956.599.473</u></u>	<u><u>361.672.624.621</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	24.230.756.200	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn	255.000.000.000	230.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	215.115.350.000	224.357.550.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(15.050.673.900)	(15.050.673.900)
	479.295.432.300	463.537.632.300

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		24.230.756.200		24.230.756.200
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biện thể và Vật liệu điện Hà Nội	1.732.091	24.230.756.200	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng		255.000.000.000		230.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (*)		215.115.350.000		224.357.550.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện		45.880.000.000		45.880.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội		26.000.000.000		31.072.200.000
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I		~ 35.350.000		5.735.350.000
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam		95.000.000.000		95.000.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư THIBIDI		15.000.000.000		15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội		-		1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hưng Yên		10.000.000.000		10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biện thể và Vật liệu điện Hà Nội		1.000.000.000		5.670.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội		4.500.000.000		4.500.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương		10.000.000.000		10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.050.673.900)		(15.050.673.900)
		479.295.432.300		463.537.632.300

(*) Là các khoản cho vay theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn dưới 01 năm với lãi suất từ 9% đến 14%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	71.019.058	29.515.091
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.164.906.500	2.329.786.500
Phải thu lãi cho vay	5.551.225.000	4.246.099.500
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.781.250.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	1.892.550.000	1.032.300.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư THIBIDI	281.250.000	337.500.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	637.500.000	225.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	179.250.000	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	716.925.000	675.675.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	62.500.000	75.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	699.124.500
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	-	1.500.000
Phải thu về xây dựng hạ tầng KCN Hoàn Sơn - Bắc Ninh	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	35.208.570.992
Tạm ứng cổ tức năm 2012 cho cổ đông	-	16.206.840.000
Phải thu khác	1.857.591.977	515.986.975
	15.644.742.535	61.536.799.058

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.211.410.987	25.082.897.785
Công cụ, dụng cụ	376.276.976	222.222.569
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.019.493.238	9.362.566.630
Thành phẩm	56.713.332.604	31.262.387.127
	72.320.513.805	65.930.074.111

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-
Thuế Thu nhập cá nhân	413.207.867	318.575.852
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	280.584.000
	422.840.817	599.159.852

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.809.318.374	2.109.202.374
Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	22.470.000	22.470.000
	1.847.872.654	2.147.756.654

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	192.257.368.789	105.875.954.490	10.412.405.634	2.987.537.128	-	311.533.266.041
Mua sắm mới	-	15.764.000	-	20.454.545	-	36.218.545
Số dư cuối kỳ	192.257.368.789	105.891.718.490	10.412.405.634	3.007.991.673	-	311.569.484.586
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	83.354.933.181	56.523.621.984	5.578.784.864	1.846.110.832	-	147.303.450.861
Trích khấu hao	6.238.010.907	6.025.715.515	763.727.916	247.876.159	-	13.275.330.497
Số dư cuối kỳ	89.592.944.088	62.549.337.499	6.342.512.780	2.093.986.991	-	160.578.781.358
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	108.902.435.608	49.352.332.506	4.833.620.770	1.141.426.296	-	164.229.815.180
Tại ngày cuối kỳ	102.664.424.701	43.342.380.991	4.069.892.854	914.004.682	-	150.990.703.228

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.755.754.400 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	60.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>60.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.666.668
Trích khấu hao	10.000.002
Số dư cuối kỳ	<u>16.666.670</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>53.333.332</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u><u>43.333.330</u></u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Số dư đầu kỳ	56.524.978.913	8.153.207.910
Số tăng trong kỳ	52.336.627.644	21.400.090.875
Giảm khác	(162.680.000)	-
Số dư cuối kỳ	<u>108.698.926.557</u>	<u>29.553.298.785</u>
Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	108.698.926.557	56.524.978.913
- Xây dựng Văn phòng KS tại số 10 Trần Nguyên Hãn	546.451.273	546.451.273
- Xây dựng trụ sở làm việc TCT tại 52 Lê Đại Hành (*)	108.152.475.284	55.978.527.640
	<u>108.698.926.557</u>	<u>56.524.978.913</u>

(*) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại số 10 Lê Đại Hành có tổng mức đầu tư 443,9 tỷ đồng, thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, thời gian thực hiện từ quý 2 năm 2009 đến hết quý 2 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	556.929.653.804	564.679.804.695
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	81.670.662.814	92.462.038.822
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	262.849.233.181	262.849.233.181
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	30.128.906.768	30.128.906.768
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	144.126.985.887	168.419.045.174
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	5.488.477.000	5.488.477.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	84.330.843.200	91.296.142.960
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	62.320.088.217	69.285.387.977
	641.260.497.004	655.975.947.655

Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2010 đến ngày 31/12/2011 là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty từ khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang Tổng Công ty cổ phần. Do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với khoản cổ tức nhận được của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước (đã được đánh giá tăng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh tương ứng phần ghi nợ phải trả Nhà nước), vì vậy khi nhận được cổ tức của giai đoạn trên, Tổng Công ty không ghi giảm giá trị các khoản đầu tư mà ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Năm 2013, Tổng Công ty đã trả khoản nợ trên cho Nhà nước, do vậy Tổng Công ty đã ghi giảm các khoản đầu tư vào một số công ty con, công ty liên doanh tương ứng với số đã đánh giá tăng trước đây bằng nguồn cổ tức nhận được trong năm 2012 là 53,351 tỷ đồng.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	81,48%	81,48%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Thành phố Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	64,01%	64,01%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương ⁽¹⁾	Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(1) Tổng Công ty thực hiện mua 1.793.758 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương căn cứ theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 05 năm 2013 của Hội đồng quản trị, nâng tỷ lệ sở hữu lên 65,02%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Thành phố Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	27.181.887.902	41.110.508.415
Số tăng trong kỳ	4.271.269.376	11.189.055.929
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(8.862.563.147)	(3.915.154.868)
Giảm khác	-	(232.602.899)
Số dư cuối kỳ	22.590.594.131	48.151.806.577
Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê đất 50 năm tại Tiên Du - Bắc Ninh	8.081.483.118	8.179.950.600
Chi phí chuyển giao công nghệ sản xuất	388.901.354	1.076.423.348
Giá trị lợi thế vị trí địa lý khi xác định giá trị doanh nghiệp	4.852.058.318	10.674.528.320
Giá trị thương hiệu khi xác định giá trị doanh nghiệp	69.934.526	153.855.956
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	6.247.015.469	2.398.716.577
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.041.163.717	3.734.349.845
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	903.219.453	943.608.718
Chi phí bảo hiểm	6.818.176	20.454.538
	22.590.594.131	27.181.887.902

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	90.000.000.000	-
- Vay ngân hàng	90.000.000.000	-
	90.000.000.000	-

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	35.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân ⁽²⁾	55.000.000.000	-
	90.000.000.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 03/2013-HĐTD-TBĐ ngày 27 tháng 06 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 35.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay bù đắp hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cầm cố 03 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội có tổng trị giá 35 tỷ đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-HM/NH-TBĐ ngày 21 tháng 09 năm 2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 110.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến hết 30/06/2013;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cầm cố 02 giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân có tổng giá trị 80 tỷ đồng.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.894.414.926	12.621.735.897
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	10.551.657.926	-
	20.446.072.852	12.621.735.897

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.850.000.000	4.850.000.000
Trích trước chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	-	64.806.222.317
Trích trước phí kiểm toán	-	270.000.000
Chi phí phải trả khác	-	150.000.000
	<u>4.850.000.000</u>	<u>70.076.222.317</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyễn Hân - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Kinh phí công đoàn	3.134.741.046	2.659.855.977
Thuế TNCN thu thừa của CBCNV	1.133.046.560	1.133.046.560
Phải trả về cổ phần hoá	-	113.550.911.413
Nhận bảo lãnh dự thầu ngắn hạn	500.000.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	34.690.000	134.267.100.000
Phải trả, phải nộp khác	77.566.735	11.204.718.863
	<u>24.880.044.341</u>	<u>282.815.632.813</u>

11/07/13
CÔNG
TỔNG
HÀNG KIẾ
AA
HÀNG KIẾ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

18 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
6 tháng đầu năm 2012										
Số dư đầu kỳ	1.400.000.000.000		(47.327.444)	-	-	-	-	162.547.758.383	1.562.500.430.939	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	109.072.208.880	109.072.208.880	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	(161.800.000.000)	(159.800.000.000)	
Tăng khác	-	-	47.327.444	-	-	-	-	-	47.327.444	
Số dư cuối kỳ	1.400.000.000.000						2.000.000.000	109.819.967.263	1.511.819.967.263	
6 tháng đầu năm 2013										
Số dư đầu kỳ	1.400.000.000.000		-	-	-	-	-	179.785.793.611	1.581.785.793.611	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	112.103.544.386	112.103.544.386	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(176.895.000.000)	(174.895.000.000)	
Số dư cuối kỳ	1.400.000.000.000						4.000.000.000	114.994.337.997	1.518.994.337.997	

Căn cứ Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 45/TBDV/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100,00%	179.038.035.228		
Lợi nhuận phân phối trong kỳ	98,80%	176.895.000.000		
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	1,12%	2.000.000.000		
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,33%	6.000.000.000		
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	0,50%	895.000.000		
- Chi trả cổ tức (tháng 12% vốn điều lệ) (*)	93,83%	168.000.000.000		
Lợi nhuận chưa phân phối	1,20%	2.143.035.228		

(*) Công ty đã thực hiện tạm ứng một phần cổ tức năm 2012 cho cổ đông theo thông báo số 58/TB - HĐQT ngày 01/12/2012 của Hội đồng quản trị với một số nội dung: tỷ lệ tạm ứng cổ tức 12%; ngày chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 10/12/2012; thời hạn tạm ứng cổ tức từ ngày 18/12/2012. Số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2012 là 16.206.840.000 đồng, số tiền đã phân phối trong 6 tháng đầu năm 2013 là 151.793.160.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	168.000.000.000	-

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	140.000.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng Công ty

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	4.000.000.000	2.000.000.000
	4.000.000.000	2.000.000.000

19 . NGUỒN KINH PHÍ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	5.950.000.000	-
Chi sự nghiệp	(1.756.376.000)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	4.193.624.000	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	277.151.282.638	213.275.309.133
Doanh thu bán hàng hóa	330.446.871.108	392.907.442.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.920.073.725	12.849.496.315
	622.518.227.471	619.032.247.998

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.994.398.000	422.949.882
	2.994.398.000	422.949.882

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	274.156.884.638	212.852.359.251
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	330.446.871.108	392.907.442.550
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	14.920.073.725	12.849.496.315
	619.523.829.471	618.609.298.116

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm	201.745.481.937	234.829.850.504
Giá vốn của hàng hóa đã bán	324.602.611.366	285.774.457.861
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.081.831.026	6.607.755.877
	533.429.924.329	527.212.064.242

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	16.450.151.923	32.370.726.345
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.696.031.705	45.607.996.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.856.000	3.408.451
	84.149.039.628	77.982.130.796

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	258.666.667	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	42.435.383	320.920.048
Chi phí tài chính khác	295.533.332	-
	596.635.382	320.920.048

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	6.258.113.294	4.760.615.150
Chi phí nhân công	288.615.594	365.304.328
Chi phí bảo hành	-	44.287.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.890.304.172	4.457.959.017
Chi phí khác bằng tiền	1.073.880.102	971.495.472
	12.510.913.162	10.599.661.487

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	6.536.054.200	438.598.623
Chi phí nhân công	9.738.939.362	11.481.974.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.238.338.851	3.270.178.331
Thuế, phí, lệ phí	6.500.812.302	2.641.216.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.257.717.255	1.287.951.585
Chi phí khác bằng tiền	4.784.932.072	9.225.050.550
	30.056.794.042	28.344.970.301

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.906.049.040	130.127.410.666
Các khoản điều chỉnh tăng	1.280	-
- Chi phí không hợp lệ	1.280	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(67.696.031.705)	(45.906.603.523)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(67.696.031.705)	(45.607.996.000)
- Giảm khác	-	(298.607.523)
Tổng thu nhập tính thuế	59.210.018.615	84.220.807.143
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	14.802.504.654	21.055.201.786
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.802.504.654	21.055.201.786
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	12.621.735.897	11.643.410.186
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(17.529.825.625)	(15.756.776.562)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	9.894.414.926	16.941.835.410

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	176.523.965.488	194.321.710.498
Chi phí nhân công	37.261.015.607	45.825.860.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.973.498.147	15.037.630.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.595.991.300	14.390.353.984
Chi phí khác bằng tiền	13.040.549.625	10.806.682.393
	251.395.020.167	280.382.238.169

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.956.599.473	-	361.672.624.621	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	254.722.370.832	(5.164.593.465)	273.605.848.731	(5.164.593.465)
Đầu tư ngắn hạn	494.346.106.200	(15.050.673.900)	478.588.306.200	(15.050.673.900)
	888.025.076.505	(20.215.267.365)	1.113.866.779.552	(20.215.267.365)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	90.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	218.204.640.619	361.414.288.172
Chi phí phải trả	4.850.000.000	70.076.222.317
	313.054.640.619	431.490.510.489

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

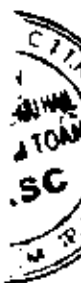
Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.956.599.473	-	-	138.956.599.473
Phải thu khách hàng, phải thu khác	249.557.777.367	-	-	249.557.777.367
Đầu tư ngắn hạn	479.295.432.300	-	-	479.295.432.300
	<u>867.809.809.140</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>867.809.809.140</u>
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	361.672.624.621	-	-	361.672.624.621
Phải thu khách hàng, phải thu khác	268.441.255.266	-	-	268.441.255.266
Đầu tư ngắn hạn	463.537.632.300	-	-	463.537.632.300
	<u>1.093.651.512.187</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.093.651.512.187</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	216.619.006.627	1.585.633.992	-	218.204.640.619
Chi phí phải trả	4.850.000.000	-	-	4.850.000.000
	311.469.006.627	1.585.633.992	-	313.054.640.619
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	360.078.654.180	1.335.633.992	-	361.414.288.172
Chi phí phải trả	70.076.222.317	-	-	70.076.222.317
	430.154.876.497	1.335.633.992	-	431.490.510.489

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất VND	Kinh doanh thương mại VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.156.884.638	330.446.871.108	14.920.073.725	619.523.829.471	-	619.523.829.471
Chi phí bộ phận trực tiếp	201.745.481.937	324.602.611.366	7.081.831.026	533.429.924.329	-	533.429.924.329
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	72.411.402.701	5.844.259.742	7.838.242.699	86.093.905.142	-	86.093.905.142
Tài sản bộ phận trực tiếp	670.967.313.594	748.073.065.293	27.981.608.942	1.447.021.987.829	-	1.447.021.987.829
Tài sản không phân bổ	-	-	-	491.181.563.800	-	491.181.563.800
Tổng tài sản	670.967.313.594	748.073.065.293	27.981.608.942	1.938.203.551.629	-	1.938.203.551.629
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	173.452.874.006	232.889.021.258	2.639.004.368	408.980.899.632	-	408.980.899.632
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	6.034.690.000	-	6.034.690.000
Tổng nợ phải trả	173.452.874.006	232.889.021.258	2.639.004.368	415.015.589.632	-	415.015.589.632

Theo khu vực địa lý

Hơn 90 % hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng	6 tháng
		đầu năm 2013	đầu năm 2012
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	5.297.352.150	1.779.998.600
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	4.951.341.400	12.049.159.900
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	2.272.641.000	76.992.000
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	311.739.231.652	21.848.869.804
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	38.115.680.652	20.872.485.440
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	6.918.182	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	16.872.147.900	17.130.557.690
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	6.387.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.238.099.500	91.588.000
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	456.436.326	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	3.624.347.666	4.101.899.455
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	90.630.000	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	9.997.236.150	4.869.604.706
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	20.725.942.293	9.172.657.973
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	367.608.424.741	296.422.466.005
Cho vay vốn			
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	2.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	1.892.550.000	2.060.100.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.281.728.250	1.090.443.667
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	236.583.188	790.030.484
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.918.750.000	1.589.583.333
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	412.500.000	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	618.750.000	1.012.500.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	412.500.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	185.625.000	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Trong kỳ, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

	<u>Mối quan hệ</u>	6 tháng	6 tháng
		<u>đầu năm 2013</u>	<u>đầu năm 2012</u>
		VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	16.576.047.992	1.536.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	33.893.860.000	13.000.000.000
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	3.470.080.000	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	10.104.923.713	23.141.018.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	816.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.385.120.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	360.000.000
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	-	7.570.978.000

(*): Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư THIBIDI là Công ty con của Công ty Cổ phần Thiết bị điện - Công ty con của Tổng Công ty.

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	30/06/2013	01/01/2013
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	5.236.193.215	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	10.633.970.160
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	876.697.800	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	85.805.414.237	90.438.521.148
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	13.096.730.341	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	3.049.894.684	1.012.500.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	7.025.700	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	2.541.261.050	100.713.800
Phải thu vốn cho vay			
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	45.880.000.000	45.880.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	26.000.000.000	31.072.200.000
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty con	7.735.350.000	5.735.350.000
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	Mối quan hệ	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
Phải thu lãi cho vay			
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	1.892.550.000	1.032.300.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	699.124.500
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	1.781.250.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	62.500.000	75.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI (*)	(*)	281.250.000	337.500.000
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	637.500.000	225.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	179.250.000	-
Phải thu tiền cổ tức			
- Công ty Cổ phần chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.385.120.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	-
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	219.682.187	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	10.138.653.694	4.076.279.601
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	156.393.814.903	55.683.243.158

(*): Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư THIBIDI là Công ty con của Công ty Cổ phần Thiết bị điện - Công ty con của Tổng Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.968.000.000	1.881.000.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Chung Giám đốc



Đoàn Thị Lan Phương

Phạm Tuấn Anh

Nguyễn Trọng Tiểu